

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

Tổ: Tiếng Anh_Toán

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: TOÁN, LỚP 11 (THPT+GDTX) – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ kiểm tra, đánh giá										Tổng			Tổng % điểm	
			TNKQ									Tự luận					
			Dạng 1			Dạng 2			Dạng 3								
			B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	H	VD	B	H		VD
1	1. Hàm số mũ, hàm số logarit	1.1. Phép tính lũy thừa	1					1	1				2	1	0	12,5	
		1.2. Phép tính logarit	1			1			1				1	2	0	10	
		1.3. Hàm số mũ, hàm số logarit	2		2								4	0	0	10	
		1.4. Phương trình, bất phương trình mũ, logarit	1				1			1		1	1	0	3	20	
2	2. Xác suất	2. Biến cố giao, hợp; quy tắc cộng, nhân xác suất.	1		2	1	1					1	3	1	2	22,5	
3	3. Quan hệ vuông góc trong kg	3.1. Hai đường thẳng vuông góc	2	1									2	1	0	7,5	
		3.2. Đường thẳng vuông góc mặt phẳng	2	1							1		2	2	0	17,5	
Tổng số câu			12			8			4			3		15	7	5	27
Tỉ lệ (%)			30			20			20			30		40	30	30	100

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

Tổ: Tiếng Anh_Toán

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: TOÁN, LỚP 11 (THPT+GDTX) – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá										
				TNKQ									Tự luận	
				Dạng 1		Dạng 2			Dạng 3					
				B	H	B	H	VD	B	H	VD	H	VD	
1	1. Hàm số mũ, hàm số logarit	1.1. Phép tính lũy thừa	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none">Nhận biết được khái niệm lũy thừa với số mũ nguyên của một số thực khác 0; lũy thừa với số mũ hữu tỉ và lũy thừa với số mũ thực của một số thực dương.Nhận biết được các tính chất của lũy thừa. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none">Giải thích được các tính chất của phép tính lũy thừa với số mũ nguyên, lũy thừa với số mũ hữu tỉ và lũy thừa với số mũ thực.Tìm được giá trị biểu thức số có chứa phép tính lũy thừa bằng sử dụng máy tính cầm tay.	Câu 1					Câu 1	Câu 2				
		1.2. Phép tính logarit	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none">Nhận biết được khái niệm lôgarit cơ số a ($a > 0, a \neq 1$) của một số thực dương.Nhận biết được các tính chất của lôgarit. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none">Giải thích được các tính chất của phép tính lôgarit nhờ sử dụng định nghĩa hoặc các tính chất đã biết	Câu 2			Câu 1c			Câu 3				

		<p>trước đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm được giá trị (đúng hoặc gần đúng) của lôgarit bằng cách sử dụng máy tính cầm tay. <p>Vận dụng: - Tính được giá trị biểu thức bằng cách sử dụng các tính chất lôgarit.</p>										
	1.3. Hàm số mũ, hàm số lôgarit	<p>Nhận biết: – Nhận biết được hàm số mũ và hàm số lôgarit.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận dạng được đồ thị của các hàm số mũ, hàm số lôgarit. <p>Thông hiểu: – Nêu được một số ví dụ thực tế về hàm số mũ, hàm số lôgarit.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được các tính chất của hàm số mũ, hàm số lôgarit thông qua đồ thị của chúng. <p>Vận dụng : – Giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến thực tiễn gắn với hàm số mũ và hàm số lôgarit.</p>	Câu 3 Câu 4		Câu 1a Câu 1b							
	1.4. Pt, bpt mũ, lôgarit	<p>Nhận biết: – Nhận biết được công thức nghiệm phương trình, bất phương trình mũ, lôgarit cơ bản.</p> <p>Thông hiểu: – Giải được phương trình, bất phương trình mũ, lôgarit ở dạng đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm được nghiệm phương trình, bất phương trình mũ, lôgarit bằng máy tính cầm tay. <p>Vận dụng: – Giải được phương trình, bất phương trình mũ, lôgarit.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit (ví 	Câu 5		Câu 1d				Câu 4		Câu 1	

	vuông góc mặt phẳng	<p>đề đường thẳng vuông góc với mặt phẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được định lí ba đường vuông góc. – Giải thích được mối liên hệ giữa tính song song và tính vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng. <p>Vận dụng: – Chứng minh được đường thẳng vuông góc mặt phẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được kiến thức về đường thẳng vuông góc với mặt phẳng để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn. 	Câu 10									
Tổng			12	8			4			3		
Tỉ lệ			30%	20%			20%			30%		

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

Tổ: Tiếng Anh_Toán

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: TOÁN, LỚP 11 (THPT+GDTX) – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ kiểm tra, đánh giá										Tổng			Tổng % điểm
			TNKQ									Tự luận				
			Dạng 1		Dạng 2			Dạng 3								
			B	H	B	H	VD	B	H	VD	H	VD	B	H	VD	
1	1. Hàm số mũ, hàm số logarit	1. Phương trình, bất phương trình mũ, logarit	2	1						1		1	2	1	2	22.5
2	2. Xác suất	2. Biến cố giao, hợp; quy tắc cộng, nhân xác suất.	1						1				1	1	0	7.5
3	3. Quan hệ vuông góc trong không gian	3.1. Đường thẳng vuông góc mặt phẳng	1		1						1		2	1	0	15
		3.2. Hai mặt phẳng vuông góc	1		1								2	0	0	5
		3.3. Khoảng cách trong không gian	1		1		1	1					3	0	1	12.5
		3.4. Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng, góc nhị diện.	1						1				1	1	0	7.5
4	4. Đạo hàm	4.1. Đạo hàm	1			1							1	1	0	5
		4.2. Các quy tắc tính đạo hàm	2	1	1	1	1					1	3	2	2	25
Tổng số câu			12		8			4			3		15	7	5	27
Tỉ lệ (%)			30		20			20			30		40	30	30	100

			<p>hợp bằng cách sử dụng công thức nhân, cộng.</p> <ul style="list-style-type: none"> Tính được xác suất của biến cố trong một số bài toán đơn giản bằng phương pháp tổ hợp. 										
3	3. Quan hệ vuông góc trong không gian	3.1. Đường thẳng vuông góc mặt phẳng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Nhận biết được công thức tính thể tích của hình chóp, hình lăng trụ, hình hộp. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xác định được điều kiện để đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Giải thích được được định lí ba đường vuông góc. Giải thích được mối liên hệ giữa tính song song và tính vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng. Tìm được thể tích của hình chóp, hình lăng trụ, hình hộp trong những trường hợp đơn giản. 	Câu 4.	Câu 1.a)							Câu 2.	
		3.2. Hai mặt phẳng vuông góc	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được hai mặt phẳng vuông góc trong không gian. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xác định được điều kiện để hai mặt phẳng vuông góc. Giải thích được tính chất cơ bản về hai mặt phẳng vuông góc. Giải thích được tính chất cơ bản của hình lăng trụ đứng, lăng trụ đều, hình hộp đứng, hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình chóp đều. 	Câu 5.	Câu 1.b)								

			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Chứng minh được hai mặt phẳng vuông góc. – Tính được thể tích của hình chóp, hình lăng trụ. 									
		3.3. Khoảng cách trong không gian	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được đường vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau. – Nhận biết được hình chiếu vuông góc của điểm lên đường thẳng, của điểm lên mặt phẳng. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng; khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng; khoảng cách giữa hai đường thẳng song song; khoảng cách giữa đường thẳng và mặt phẳng song song; khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song trong những trường hợp đơn giản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tính được khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau trong trường hợp đơn giản. 	Câu 6.	Câu 1.c)	Câu 1.d)	Câu 3					
		3.4. Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng, góc nhị diện.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được khái niệm góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. – Nhận biết được khái niệm góc nhị diện, góc phẳng nhị diện. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được góc giữa đường thẳng và mặt phẳng trong những 	Câu 7.				Câu 4				

			<p>trường hợp đơn giản (ví dụ: đã biết hình chiếu vuông góc của đường thẳng lên mặt phẳng).</p> <p>– Xác định được số đo góc nhị diện, góc phẳng nhị diện trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: nhận biết được mặt phẳng vuông góc với cạnh nhị diện).</p>										
4	4. Đạo hàm	4.1. Đạo hàm	<p>Nhận biết:</p> <p>– Nhận biết được một số bài toán dẫn đến khái niệm đạo hàm như: xác định vận tốc tức thời của một vật chuyển động không đều, xác định tốc độ thay đổi của nhiệt độ.</p> <p>– Nhận biết được định nghĩa đạo hàm.</p> <p>– Nhận biết được ý nghĩa hình học của đạo hàm.</p> <p>– Nhận biết được số <i>ethông</i> qua bài toán mô hình hoá lãi suất ngân hàng.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>– Hiểu được công thức tính đạo hàm của một số hàm đơn giản bằng định nghĩa.</p> <p>– Thiết lập được phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số tại một điểm thuộc đồ thị.</p>	Câu 8.	Câu 1.a)	Câu 2a							
		4.2. Các quy tắc tính đạo hàm	<p>Nhận biết:</p> <p>– Nhận biết được đạo hàm của tổng, hiệu, tích, thương của các hàm số cơ bản.</p> <p>– Nhận biết được đạo hàm của một số hàm số hợp cơ bản (u^n, \sqrt{u})</p> <p>– Nhận biết được khái niệm đạo hàm cấp hai của một hàm số.</p>	Câu 9. 10.	Câu 12.	Câu 2.b) 2.c)	Câu 2.d)						Câu 3

		<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tính được đạo hàm của một số hàm số sơ cấp cơ bản (như hàm đa thức, hàm căn thức đơn giản, hàm số lượng giác, hàm số mũ, hàm số lôgarit). – Tính được đạo hàm cấp hai của một số hàm số đơn giản. – Tính được đạo hàm của tổng, hiệu, tích, thương của các hàm số và đạo hàm của hàm hợp. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với đạo hàm, đạo hàm cấp hai (ví dụ: xác định vận tốc tức thời của một vật chuyển động không đều,...). 										
	Tổng		12	8	4	3						
	Tỉ lệ		30%	20%	20%	30%						

Duyệt của BGH

Cần Đước, ngày 25 tháng 2 năm 2025

Tổ phó



Phạm Duy Phương